

Số: 22/2019/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về đối tượng, mức hỗ trợ từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 129/TTr-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 về dự thảo Quy định Quy định về đối tượng, mức hỗ trợ từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đối tượng và mức hỗ trợ từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thụ hưởng

a) Người thuộc hộ nghèo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn hộ nghèo.

b) Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở các xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

c) Người thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật và người đang được nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước.

d) Người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim hoặc các bệnh: lao, HIV/AIDS, phẫu thuật khuyết tật hàm mặt, phẫu thuật khuyết tật vận động, phẫu thuật đục thủy tinh thể gặp khó khăn do chi phí cao mà không đủ khả năng chi trả viện phí đối với phần người bệnh phải chi trả khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước.

2. Các cơ sở khám, chữa bệnh Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các đối tượng thuộc điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định này được Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện việc hỗ trợ.

2. Các đối tượng thuộc điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định này được hỗ trợ từ nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, các nguồn tài chính khác (không từ nguồn ngân sách nhà nước) do Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý.

3. Các đối tượng được hưởng nhiều chế độ hỗ trợ thì chỉ được thanh toán một chế độ cao nhất.

4. Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không hỗ trợ cho những trường hợp người bệnh tự lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (trái tuyến, vượt tuyến) hoặc khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tiền ăn bằng 3% mức lương cơ sở/người bệnh/ngày cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 của Quyết định này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên.

2. Hỗ trợ tiền đi lại tính theo quãng đường thực tế từ nhà đến bệnh viện, từ bệnh viện về nhà và chuyển bệnh viện cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 của Quyết định này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên, các trường hợp cấp cứu, tử vong hoặc bệnh quá nặng và người nhà có nguyện vọng đưa về nhà nhưng không được bảo hiểm y tế hỗ trợ.

a) Trường hợp sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế Nhà nước: Thanh toán chi phí vận chuyển cả chiều đi và về cho cơ sở y tế chuyển người bệnh theo mức bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách vận chuyển thực tế và giá xăng, dầu tại thời điểm sử dụng và các chi phí cầu, phà, phí đường bộ khác (nếu có). Nếu có nhiều hơn một người bệnh cùng được vận chuyển trên một phương tiện thì mức thanh toán chỉ được tính như đối với vận chuyển một người bệnh.

b) Trường hợp không sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế Nhà nước: Thanh toán chi phí vận chuyển một chiều đi cho người bệnh theo mức bằng 0,2 lít xăng/km cho một chiều đi tính theo khoảng cách vận chuyển thực tế và giá xăng tại thời điểm sử dụng. Cơ sở y tế chỉ định chuyển bệnh nhân thanh toán chi phí vận chuyển cho người bệnh, sau đó thanh toán với Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh.

3. Hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế mà các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 của Quyết định này phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn Luật đối với phần người bệnh phải đồng chi trả từ 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) trở lên. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tháng lương cơ sở/người bệnh/lần hỗ trợ (10 tháng lương cơ sở được hiểu là 10 x mức lương cơ sở) và không quá 04 lần hỗ trợ/người bệnh/năm (không quá 40 tháng lương cơ sở/năm/người bệnh).

4. Hỗ trợ thanh toán một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh của các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quyết định này đối với phần người bệnh phải chi trả cho cơ sở y tế của Nhà nước từ 1.000.000 (Một triệu đồng) trở lên cho một đợt khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp không có thẻ bảo hiểm y tế; nếu có thẻ bảo hiểm y tế thì hỗ trợ như khoản 3 Điều này. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tháng lương cơ sở/người bệnh/lần hỗ trợ và không quá 04 lần hỗ trợ/người bệnh/năm (không quá 40 tháng lương cơ sở/năm/người bệnh).

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế

a) Hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức, quản lý và điều hành Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Lập dự toán ngân sách Quỹ và kinh phí quản lý Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Hàng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình hoạt động của Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn các địa phương xác định đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quyết định này.

3. Sở Tài chính thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách nhà nước cho Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp Sở Y tế thực hiện việc hỗ trợ từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xác định đối tượng, lập danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quyết định này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo và giám sát việc thực hiện.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2019.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy; TTr.HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo BR – VT; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, SYT (09), VX3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Trần Văn Tuấn